

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Cương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Mai Văn Thắm

2. Ông Đoàn Thế Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 588/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị Ngọc A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã TĐ, huyện G, tỉnh T; (có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Đoàn Văn M, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Tổ 22, ấp B, xã TĐ, huyện G, tỉnh T; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-7-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Ngọc A trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh Đoàn Văn M chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện. Anh chị có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện G, tỉnh T.

Sau khi cưới, chị và anh M sống chung với cha mẹ ruột của anh M, sau đó anh chị ra ở riêng. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do anh M thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con và cả hai đều không nhường nhịn lẫn nhau. Đến năm 2015, chị bỏ về nhà cha mẹ

ruột ở, anh chị có gặp nhau nhưng mỗi lần anh M đến nhà gặp chị đều say sấn nên chị không muốn đoàn tụ và từ ngày chị nộp đơn xin ly hôn đến nay anh M cũng không yêu cầu chị quay về chung sống. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh M không còn, nên chị xin ly hôn với anh M.

*Về nuôi con:* Anh chị có 02 người con chung tên Đoàn Tấn Đ, sinh ngày 02-10-2003 và Đoàn Thị Ánh N, sinh ngày 02-6-2011. Hiện cháu Đ sống cùng với anh M, còn cháu N đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và đồng ý giao cháu Đ cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Chị không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Đoàn Văn M* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ánh đối với anh M; Về con chung: Giao chị A tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu Đoàn Thị Ánh N và giao anh M được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu Đoàn Tấn Đ. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên không giải quyết; Về nợ chung: Chị A khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh M có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Đoàn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Ngô Thị Ngọc A và anh Đoàn Văn M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị A nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc cho vợ con và cả hai anh chị đều không nhường nhịn nhau dẫn đến anh chị thường xuyên cãi vã. Năm 2015, chị A về nhà cha mẹ ruột ở nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị có gặp nhau nhưng không ai muốn hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Còn anh M, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa

giải và xét xử nhưng anh M vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ.

[3] Qua xác minh ông Đoàn Văn K là cha ruột của anh M thể hiện: do anh M nghi ngờ chị A có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên chị A và anh M cãi nhau. Từ các chứng cứ trên cho thấy thực tế chị A và anh M có phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con*: Anh chị có 02 người con chung là Đoàn Tấn Đ, sinh ngày 02-10-2003 và Đoàn Thị Ánh N, sinh ngày 02-6-2011. Hiện cháu Đ đang sống cùng với anh M, còn cháu N thì đang do chị A nuôi dưỡng. Chị A đồng ý giao cháu Đ cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Xét thấy, qua thu thập chứng cứ lấy lời khai chị A và ông Đoàn Văn K thừa nhận cháu Đ kém phát triển về trí não và hiện do anh M cùng vợ chồng ông Đoàn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, do đó chị A đồng ý giao cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ là phù hợp. Đối với cháu N, từ ngày chị A và anh M sống ly thân, cháu N sống chung với chị A được chị A chăm sóc, giáo dục. Hơn nữa, cháu N cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị A. Nghề nghiệp hiện nay chị A làm công nhân có thu nhập ổn định và anh M cũng có việc làm tạo ra thu nhập nên chị A và anh M có đủ điều kiện và khả năng để nuôi dạy con chung thành niên nên cần giao chị A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và giao anh M được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A cũng không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Chị A không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Chị A khai không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại nên không giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Chị A phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Ngọc A đối với anh Đoàn Văn M. Chị Ngô Thị Ngọc A được ly hôn với anh Đoàn Văn M.

2. Về nuôi con: Giao cho chị A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Thị Ánh N, sinh ngày 02-6-2011; giao cho anh M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Tấn Đ, sinh ngày 02-10-2003. Chị A và anh M đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị A và anh M đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu số **0008023 ngày 24-7-2018** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**TRẦN THỊ KIM CƯỜNG**